

SO SÁNH HƠN – COMPARATIVE

I. TÍNH TỪ NGẮN VÀ TÍNH TỪ DÀI



II. SO SÁNH HƠN

SO SÁNH HƠN

VỚI TÍNH TỪ NGẮN

S + V + Adj/Adv + -er + than

Ví dụ: Hoa came later than me.
(Hoa đến muộn hơn tôi)

VỚI TÍNH TỪ DÀI

S + V + more + Adj/ Adv + than

Ví dụ: This month's sale project is more difficult than last month's sale project.
(Dự án kinh doanh tháng này khó hơn dự án kinh doanh tháng trước)

Lưu ý: Trong những câu có chứa công thức so sánh hơn, các tính từ hoặc trạng từ trong câu được biến đổi phù hợp với công thức.

ĐỐI VỚI TÍNH TỪ NGẮN

Những tính từ ngắn có 1 âm tiết, chúng ta chỉ cần thêm đuôi -er vào ngay sau tính từ đó để tạo thành dạng phù hợp trong công thức so sánh hơn.

Những tính từ 2 âm tiết kết thúc bằng -y, ta chuyển -y thành -i sau đó thêm đuôi -er.

Ví dụ: easy → easier
lucky → luckier
tiny → tinier
crazy → crazier
sexy → sexier.

Những tính từ/ trạng từ ngắn có kết thúc bằng 1 phụ âm nhưng trước đó là 1 nguyên âm, ta nhân đôi phụ âm cuối rồi thêm đuôi -er.

Ví dụ: fat → fatter
big → bigger
sad → sadder.

ĐỐI VỚI TÍNH TỪ DÀI

Những tính từ/ trạng từ 2 âm tiết trở lên, có kết thúc bằng -ly, giữ nguyên đuôi -y, thêm more vào trước từ đó để tạo công thức so sánh hơn.

Ví dụ: boldly → more boldly
likely → more likely
coldly → more coldly
sadly → more sadly.

Thêm “far”, “much”, “a lot” trước cụm từ so sánh để nhấn mạnh.

Ví dụ: Cherries are much more expensive than apples.
(Anh đào thì đắt hơn táo rất nhiều.).

* Một số trạng từ, tính từ bất quy tắc trong công thức so sánh hơn

Tính từ/Trạng từ	So sánh hơn
good	better
bad	worse
much/many	more
far	farther/further
little	less

* So sánh kém hơn trong tiếng anh : *S + V + LESS + ADJ + THAN + N*

- Trong tiếng Anh, thường ít sử dụng công thức so sánh kém hơn này, mà sẽ dùng công thức so sánh hơn đi kèm với các tính từ hoặc trạng từ ngược lại hoặc cấu trúc *not as...as* hoặc *so...as*.

Ví dụ: Apples are less expensive than cherries. (Táo thì kém đắt hơn anh đào.)
=> Cherries are more expensive than apples
=> Apples are not as/so expensive than cherries

BÀI TẬP

Bài 1: Chọn đáp án đúng nhất

1. His illness was _____ than we had thought at first.

A. much serious B. more serious
C. serious D. most serious

2. Traveling by plane is _____ than traveling by car.

A. fast B. more fast
C. the most fast D. faster

3. Actually, today I feel _____ than I did yesterday.

A. the worst B. worst
C. worse D. bad

4. Could you speak Vietnamese _____, so I can understand what you mean?

A. more clearly B. clearly
C. the most clearly D. the clearest

5. Phong works _____ than most of his friends.

A. a lot more hardly B. more hardly
C. many harder D. much harder

6. My friend is much _____ than me.

A. prettier B. pretty
C. the prettiest D. more prettier

7. My mom speaks Korean _____ I do.

A. fluently
C. more fluently
8. My Japanese class is _____ than his English class.
A. funny
C. funniest
9. This chair is _____ than the others.
A. comfortable
C. more comfortable
10. No one in my group is _____ than Duong.
A. kinder
C. more kind
11. Hoang visits his parents _____ than she does.
A. little
C. the less
12. If Cuong had run _____, his brother could have caught him.
A. fast
C. the fastest
B. more fluently than
D. most fluently
B. funnier
D. the funny
B. the comfortable
D. most comfortable
B. kind
D. most kind
B. least
D. less
B. faster
D. more faster

Bài 2: Điền vào chỗ trống tính từ/trang từ trong công thức so sánh hơn.

1. Dogs are (intelligent) than hamsters.

2. Sam is (old) than Andy.
3. US is far (large) than the UK.
4. Hoa's garden is a lot (colourful) than this park.
5. Jack is (quiet) than his brother.
6. My Math class is (boring) than my Geography class.
7. Her class is (big) than yours.
8. The weather this winter is even (bad) than last winter.
9. This gift is (beautiful) than that one.
10. A holiday by the mountains is (good) than a holiday in the sea.

Bài tập 3: Viết lại những câu sau sử dụng từ trong ngoặc mà không thay đổi nghĩa gốc.

1. My sister was earning much less in her previous job than she is now.

-> (more)

2. Pork is cheaper than beef.
-> (more)
3. To my knowledge, speaking Chinese is easier than writing Chinese.
-> (harder)
4. This is the most delicious lunch he's even had.
-> (more)
5. This is the fastest moving car we've ever driven.
-> (faster)
6. The company's revenue in August is the highest compared to the previous months.
-> (lower)

Bài 4: Viết lại những câu sau sử dụng so sánh hơn.

1. Henry arrived at the meeting at 7 o'clock. I arrived at 6:45. (soon)
-> I
2. It costs 100 million dong to build a concrete bridge, but only 50 million dong to build a steel bridge. (expensive)
-> Building a concrete bridge

3. His house's yard is about 100 square meters while your house's yard is about 50 square meters. (**large**)
-> His house's yard
4. It was very difficult to travel to the town 5 years ago. Now people can drive a car or take a bus to the town. (**easily**)
-> People can travel
5. I do yoga three times a week, but my sister does it almost every day. (**frequently**)
-> My sister
6. The Australian athlete jumped 8.78m. The American athlete jumped 8.59m. (**far**)
-> The Australian athlete